

Số: 791/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ BA MƯƠI TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi Luật Đầu tư công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 245/2025/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2638/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2661/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2026;

Thực hiện Kết luận số 04-KL/TU ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Tỉnh ủy về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2026.

Xét Báo cáo số 99/BC-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 và dự kiến kế hoạch năm 2026, Báo cáo thẩm tra số 415/BC-KTNS ngày 06 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định Kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2026 với các nội dung sau:

1. Tổng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2026 là **43.071.700** triệu đồng, bao gồm:

1.1. Vốn ngân sách địa phương: 42.542.000 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách tập trung: 2.338.000 triệu đồng;
- Nguồn thu từ tiền sử dụng đất: 40.120.000 triệu đồng;
- Nguồn thu tiền xổ số kiến thiết: 84.000 triệu đồng;

1.2. Vốn ngân sách Trung ương: 529.700 triệu đồng.

(Phụ lục số 01 chi tiết kèm theo)

2. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kế hoạch vốn đầu tư năm 2026**2.1. Nguyên tắc chung**

a) Nhằm thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế xã hội 05 năm 2026-2030 và các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Bố trí vốn tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, mạnh mún. Tập trung bố trí vốn đầu tư công để hoàn thành dự án quan trọng quốc gia, dự án đường bộ cao tốc, dự án kết nối, có tác động liên kết vùng, chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế xã hội,...

c) Đáp ứng điều kiện bố trí vốn hằng năm theo quy định tại Điều 56 và khoản 7 điều 51 Luật Đầu tư công (Kế hoạch đầu tư công hằng năm phải phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt, trừ kế hoạch đầu tư công năm đầu tiên).

d) Đảm bảo thời gian bố trí vốn cho dự án theo quy định tại Điều 57 Luật Đầu tư công.

đ) Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 532/TB-VPCP ngày 04 tháng 10 năm 2025 và của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phúc tại Văn bản số 9886/VPCP-KTTH ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ, để thực hiện tiết kiệm ngay từ đầu năm 5% chi đầu tư công nguồn ngân sách trung ương từ khâu phân bổ dự toán, kế hoạch đầu tư công năm 2026, không bao gồm vốn bố trí cho các Chương trình Mục tiêu Quốc gia, vốn bố trí để thực hiện 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, vốn nước ngoài nguồn ngân sách Trung ương.

2.2. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn ngân sách trung ương

a) Bố trí đủ vốn theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho các dự án quan trọng quốc gia;

b) Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn;

c) Bố trí vốn cho các Chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, bao gồm cả vốn đối ứng; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư (dự án PPP) theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

d) Bố trí vốn theo tiến độ được phê duyệt cho các nhiệm vụ, dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030.

2.3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách địa phương

Bố trí vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương năm 2026, bảo đảm bố trí vốn tập trung và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, trong đó lưu ý ưu tiên:

a) Bố trí đủ vốn để thanh toán đủ số nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định của Luật Đầu tư công;

b) Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2026;

c) Bố trí đủ vốn ngân sách địa phương để thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia theo quy định, vốn đối ứng các dự án ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

d) Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2026, (bao gồm cả dự án chuyển tiếp của cấp huyện (cũ) chuyển về cấp tỉnh), giảm tối đa thời gian bố trí vốn của các dự án so với thời gian bố trí vốn quy định của Luật Đầu tư công; bố trí vốn cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch;

đ) Bố trí đủ vốn theo cam kết cho các dự án quan trọng quốc gia, dự án liên vùng, dự án đường ven biển, dự án đường bộ cao tốc theo tiến độ thực hiện dự án;

e) Các nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

g) Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ, dự án nêu trên, số vốn còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

2.4. Đối tượng cho vay, điều kiện, tiêu chí, nguyên tắc bố trí vốn ngân sách địa phương để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh

a) Tuân thủ quy định tại các Điều 54, 55 và 56 của Luật Đầu tư công;

b) Bảo đảm khả năng cân đối vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để thực hiện; bảo đảm khả năng thu hồi vốn ngân sách địa phương đã bố trí để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi;

c) Việc lập, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện theo quy định tại các Điều 59 và 60 của Luật Đầu tư công.

d) Đối tượng cho vay cụ thể như sau:

- Người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Người chấp hành xong án phạt tù theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù.

- Người có đất thu hồi theo Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi.

- Các đối tượng vay vốn để giải quyết việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

- Các đối tượng vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân; xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo Điều 76 Luật Nhà ở năm 2023 và Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

- Các đối tượng thuộc chương trình tín dụng chính sách xã hội khác do Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền ban hành.

3. Phương án phân bổ

Tổng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước là **43.071.700** triệu đồng thực hiện phân bổ như sau:

3.1. Nguồn vốn đầu tư công là 43.035.350 triệu đồng, bao gồm:

a) Nguồn vốn ngân sách trung ương: 529.700 triệu đồng; phân bổ như sau:

- Nguồn vốn ngân sách trung ương trong nước: 475.000 triệu đồng; phân bổ cho 02 dự án dự kiến hoàn thành năm 2026; 01 dự án chuyển tiếp;

- Nguồn vốn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài): 54.700 triệu đồng; phân bổ cho 02 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2026;

b) Nguồn vốn cấp tỉnh quản lý: 32.276.150 triệu đồng (*bao gồm: Vốn ngân sách tập trung 2.338.000 triệu đồng; thu tiền sử dụng đất 29.854.150 triệu đồng; thu xổ số kiến thiết: 84.000 triệu đồng*). Phương án phân bổ như sau:

- Phân bổ vốn các công trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 764.402 triệu đồng (*chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 đến nay đã hoàn thành phê duyệt dự án đầu tư*).

- Bố trí vốn cho nhiệm vụ quy hoạch: 40.000 triệu đồng;

- Phân bổ cho các chương trình, dự án hoàn thành năm 2026: 3.047.505 triệu đồng;

- Phân bổ cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ: 9.302.911 triệu đồng;
 - Phân bổ dự án thuộc danh mục kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đến nay đã hoàn thành phê duyệt dự án, khởi công mới năm 2026: 1.255.633 triệu đồng;
 - Phân bổ kế hoạch vốn ngân sách tỉnh các dự án giao cấp huyện cũ (thuộc tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên cũ) làm chủ đầu tư (nay bàn giao về cấp xã): 5.328.091 triệu đồng;
 - Hỗ trợ thực hiện các dự án thuộc kế hoạch vốn 2021-2025 do cấp huyện (thuộc tỉnh Thái Bình cũ) chuyển về cấp xã; dự kiến tổng số vốn: 2.901.369 triệu đồng;
 - Chi đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số 642.213 triệu đồng; trong đó: dự án chuyển tiếp số vốn là 22.478 triệu đồng; số vốn còn lại 619.735 triệu đồng phân bổ chi tiết cho các dự án mới khi có đủ thủ tục đầu tư theo quy định;
 - Chi hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án cơ sở 2 - Phân hiệu Đại học Bách khoa Hà Nội tại tỉnh Hưng Yên: 600.000 triệu đồng; phân bổ chi tiết khi dự án đáp ứng điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư công;
 - Phân bổ cấp vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Hưng Yên: 300.000 triệu đồng;
 - Bổ sung vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: 221.500 triệu đồng;
 - Nguồn thu từ xổ số kiến thiết: 84.000 triệu đồng, phân bổ chi tiết cho các dự án thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục đào tạo khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định;
 - Phân bổ 7.788.525 triệu đồng cho các công trình dự án đầu tư công khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định.
- c) Nguồn vốn cấp xã quản lý 10.229.500 triệu đồng: phân bổ cho các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công của cấp xã.

3.2. Kế hoạch vốn đầu tư phát triển khác từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh: 36.350 triệu đồng, trong đó chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biên động, chỉnh lý hồ sơ địa chính: 11.350 triệu đồng.

(Chi tiết tại các Phụ lục số 02, 03, 04, 05 và 06 gửi kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và Kết luận số 04-KL/TU ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Tỉnh ủy.

- Đối với các nội dung điều chỉnh danh mục và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026; phân bổ chi tiết một số nguồn vốn bổ sung, tăng thu (nếu có), các nguồn vốn chưa có phương án phân bổ chi tiết, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo thẩm quyền để xem xét, quyết định,

cho ý kiến theo quy định của pháp luật.

- Đối với nội dung dự kiến hỗ trợ thực hiện các dự án thuộc kế hoạch vốn 2021-2025 do cấp huyện (thuộc tỉnh Thái Bình cũ) chuyển về cấp xã là các dự án chuyển tiếp của giai đoạn đầu tư công 2021-2025. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính rà soát các dự án theo tiêu chí phân bổ đảm bảo đúng quy định của pháp luật; thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh trước khi quyết định việc hỗ trợ.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa XVII, Kỳ họp thứ 34 nhất trí thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTH Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV^M

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn